

Thái Nguyên, ngày 17 tháng 11 năm 2023

THÔNG BÁO ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

1. Tên, địa chỉ của tổ chức đấu giá tài sản: Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi là Trung tâm); địa chỉ: Số 7, đường Cách Mạng Tháng 8, phường Trung Vương, thành phố Thái Nguyên.

2. Tên, địa chỉ của người có tài sản đấu giá: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: Số 18, đường Nha Trang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên; đơn vị được giao thực hiện việc đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Nguyên; địa chỉ: Tổ dân phố 1, phường Chùa Hang, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Tài sản đấu giá:

3.1. Tên tài sản đấu giá: Quyền khai thác khoáng sản 22 Mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên, với các thông tin:

3.2. Tên loại khoáng sản: Đất làm vật liệu san lấp.

3.3. Diện tích khu vực: 323,66 ha.

3.4. Trữ lượng đất, đá làm vật liệu san lấp dự kiến khoảng: 61.980.000 m³.

3.5. Mục tiêu sử dụng: Làm vật liệu san lấp theo Căn cứ Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 08/8/2023;

3.6. Địa điểm khu vực có khoáng sản đưa ra đấu giá: Trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

3.7. Thông tin chi tiết về hiện trạng khu vực, điều kiện khai thác, cơ sở hạ tầng và các vấn đề có liên quan của khu vực có khoáng sản được đưa ra đấu giá:

(Chi tiết xem tại phụ lục thông tin 22 mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên tại Thông báo đấu giá tài sản niêm yết tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên).

3.8. Nơi có tài sản đấu giá: Thị trấn Đình Cả, xã La Hiên, huyện Võ Nhai; thị trấn Chợ Chu, xã Phú Tiến, xã Phúc Chu, huyện Định Hóa; xã Phú Lý, xã Túc Tranh, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương; xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ; xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh, xã Tân Thành, xã Tân Kim, huyện Phú Bình; xã Yên Lãng, xã Cù Vân, thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ; phường Châu Sơn, thành phố



Sông Công; xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

4. Giai đoạn thực hiện đấu giá: 22 Mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể:

4.1. Giai đoạn 1 (07 mỏ đất): Đấu giá Quyền khai thác khoáng sản tại các mỏ đất thuộc huyện Đại Từ, huyện Phú Lương, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

4.2. Giai đoạn 2 (08 mỏ đất): Đấu giá Quyền khai thác khoáng sản tại các mỏ đất thuộc huyện Phú Bình, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

4.3. Giai đoạn 3 (07 mỏ đất): Đấu giá Quyền khai thác khoáng sản tại các mỏ đất thuộc huyện Võ Nhai, thành phố Phổ Yên, huyện Định Hóa tỉnh Thái Nguyên.

(Căn cứ theo Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 08/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 2296/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1863/QĐ-UBND ngày 08/8/2023).

5. Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước, tiền hồ sơ tham gia đấu giá:

Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước được thực hiện theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt giá khởi điểm phiên đấu giá, bước giá và tiền đặt trước đối với các khu vực chưa thăm dò khoáng sản đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Cụ thể như sau:

5.1. Giá khởi điểm phiên đấu giá: $R = 3\%$.

5.2. Bước giá: $0,3\%$

Giá khởi điểm của tài sản đấu giá chưa bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định hiện hành của pháp luật.

5.3. Tiền bán hồ sơ tham gia đấu giá:

Tiền bán hồ sơ cho người đăng ký tham gia đấu giá: 500.000 đồng/01 hồ sơ (thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản).

5.4. Tiền đặt trước đăng ký tham gia đấu giá: Thực hiện theo Quyết định số 2350/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

6. Thời gian, địa điểm:

6.1. Thời gian, địa điểm xem tài sản (đối với 22 mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên): Kể từ ngày 24/11/2023 đến hết ngày 8/12/2023 (trong giờ hành chính) tại thực địa nơi có tài sản.



6.2. Thời gian, địa điểm bán hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:

- Giai đoạn 1: Từ ngày 21/11/2023 đến 17h00' ngày 11/12/2023 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên.
- Giai đoạn 2: Từ ngày 21/11/2023 đến 17h00' ngày 18/12/2023 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên.
- Giai đoạn 3: Từ ngày 21/11/2023 đến 17h00' ngày 25/12/2023 tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên.

6.3. Thời gian, địa điểm nộp tiền đặt trước:

- Giai đoạn 1: Từ ngày 11/12/2023 đến 17h00' ngày 13/12/2023
- Giai đoạn 2: Từ ngày 18/12/2023 đến 17h00' ngày 20/12/2023
- Giai đoạn 3: Từ ngày 25/12/2023 đến 17h00' ngày 27/12/2023

Tiền đặt trước được nộp vào tài khoản số: 111002632209 của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thái Nguyên.

6.4. Thời gian, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá:

6.4.1. Thời gian:

- Giai đoạn 1: Từ 8h30' ngày 14/12/2023.
- Giai đoạn 2: Từ 8h30' ngày 21/12/2023.
- Giai đoạn 3: Từ 8h30' ngày 28/12/2023.

6.4.2. Địa điểm tổ chức đấu giá: Trụ sở của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên.

7. Điều kiện, cách thức đăng ký tham gia đấu giá:

- Các tổ chức, cá nhân được phép đăng ký tham gia đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 38 Luật đấu giá tài sản 2016; Điều 34 và Điều 51 Luật khoáng sản năm 2010 và đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ.

- Nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp 03 bộ hồ sơ (đóng quyển, hồ sơ phải niêm phong và có chữ ký, đóng dấu của người đăng ký tham gia đấu giá ở các mép) cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ; nội dung, hình thức hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 22/2012/NĐ-CP và khoản 4 Điều 68 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP (*chi tiết xem tại Quy chế đấu giá quyền khai thác khoáng sản ban hành kèm theo Quyết định số 373/QDD-ĐGTS ngày 17/11/2023 của Giám đốc Trung tâm DVĐG tài sản tỉnh Thái Nguyên*).

- Nộp tiền mua hồ sơ, tiền đặt trước: người tham gia đấu giá phải nộp đủ tiền hồ sơ và tiền đặt trước trong thời hạn thông báo.



8. Hình thức, phương thức đấu giá:

8.1. Hình thức đấu giá: Đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá tối đa 15 vòng.

8.2. Phương thức đấu giá: Trả giá lên.

Cá nhân, tổ chức có nhu cầu xin liên hệ tại Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên. Điện thoại: 02083.65.65.85. Địa chỉ: Số 7, đường CMT8, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên./

Niêm yết tại:

- UBND xã, phường nơi có tài sản đấu giá;
- Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên ;
- Trung tâm;
- Lưu: HS.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Thị Thu Trà



Phụ lục

Thông tin 22 mỏ khoáng sản đất làm vật liệu san lấp đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên
(Kèm theo thông báo đấu giá đấu giá quyền khai thác khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2023)

I. Mỏ đất san lấp tổ dân phố Cổ Ròng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.
2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: tổ dân phố Cổ Ròng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.
3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.
4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 5,03ha.
5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc thuộc dân phố Cổ Ròng thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2406084,76	456357,37	5,03
2	2406205,91	456241,62	
3	2406391,31	456410,65	
4	2406310,30	456513,09	
5	2406222,87	456555,05	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực đất san lấp tổ dân phố Cổ Ròng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai nằm về đông bắc thành phố Thái Nguyên là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 100-160m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 15.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Cổ Rồng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai nằm về đông bắc thành phố Thái Nguyên từ đường tròn thành phố Thái Nguyên đi qua cầu Gia Bầy đến đường tròn Chùa Hang đi theo quốc lộ 1B đến ngã 4 thị trấn Đình thẳng khoảng 300 sau đó rẽ phải khoảng 200m đi qua suối là đến khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách xa khu vực dân cư, gần đường quốc lộ 1B thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Cổ Rồng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai là đồi thấp có độ cao từ 100-160m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 15-25m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 20m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Cổ Rồng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai thuộc trầm tích của hệ tầng Sông Cầu (D_{1sc}) chiếm toàn bộ diện tích 5,03ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu xám vàng, nâu vàng, xám lục. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 15-25 m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá phiến sét, bột kết, cát kết thuộc hệ tầng Sông Cầu. Đất có màu xám vàng, nâu vàng.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá cát kết, bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 1,0-2,0 m trung bình 1,5m Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu, nâu đỏ, nâu vàng; hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 15-25m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất làm vật liệu san lấp tại khu vực tổ dân phố Cổ Rồng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu màu xám vàng, nâu vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

+ Lớp đất phong hoá dở dang và đá gốc: Lớp này là đá gốc bị phong hóa và nứt nẻ do nước ngầm, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu xám vàng, nâu vàng, xám lục, đá cứng chắc không làm vật liệu san lấp được.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy đất làm vật liệu san lấp tổ dân phố Cổ Rồng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 1.000.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 2.211.678.366 đồng

II. Mỏ đất san lấp xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 15,02ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2401751,32	439679,52	15,02
2	2402087,51	439566,84	
3	2402167,57	439975,83	
4	2401826,24	440103,06	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai nằm về đông bắc thành phố Thái Nguyên là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 100-180m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 6.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản

và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai nằm về đông bắc thành phố Thái Nguyên từ đường trong thành phố Thái Nguyên đi qua cầu Gia 7 đến đường tròn Chùa Hang đi theo quốc lộ 1B đến ngã 3 La Hiên rẽ trái đi đường tỉnh lộ ĐT 271 khoảng 1,5 km bên phải là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100m, đường chủ yếu đã được rải nhựa thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai là đồi thấp có độ cao từ 100-180m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 15-25m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 20m.

b) Địa tầng:

Khu vực xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai thuộc trầm tích của hệ tầng Sông Hiến (T_{1sh}) chiếm toàn bộ diện tích 15.02,0ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu xám vàng, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 15-25 m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá phiến sét, bột kết, cát kết thuộc hệ tầng Sông Hiến. Đất có màu xám vàng, nâu vàng.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá cát kết, bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,0 m trung bình 0,7m Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

- + Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu, nâu đỏ, nâu vàng; hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 15-25m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

- + Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu màu xám vàng, nâu vàng. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

+ Lớp đất phong hoá dở dang và đá gốc: Lớp này là đá gốc bị phong hóa và nứt nẻ do nước ngầm, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu xám vàng, nâu vàng, xám xanh, đá cứng chắc không làm vật liệu san lấp được.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 3.000.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 6.622.893.253 đồng

III. Mỏ đất san lấp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên (Khu 1 + 2)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 13,61ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiếu 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2424497,72	410404,17	9,13
2	2424536,83	410394,95	
3	2424587,89	410391,24	
4	2424678,43	410339,51	
5	2424735,60	410323,96	
6	2424782,35	410454,37	
7	2424781,71	410518,99	
8	2424747,62	410629,30	
9	2424682,96	410694,49	
10	2424411,55	410623,41	
1	2424419,57	410723,43	4,48
2	2424595,07	410781,77	
3	2424556,54	410937,45	
4	2424527,96	410995,40	
5	2424428,60	411027,84	
6	2424376,14	410971,30	
Tổng cộng			13,61

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực đất san lấp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá nằm về tây bắc thành phố Thái Nguyên là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 100-140m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp (keo, bạch đàn,...), hiện trạng là rừng sản xuất.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực đất san lấp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá, huyện Định Hoá từ đường tròn thành phố Thái Nguyên đi theo quốc 3 đến km 31 rẽ trái đi theo quốc lộ 3C khoảng 15 km bên trái là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 20 -50m, mỏ gần quốc lộ 3C thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực đất san lấp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá là đồi thấp có độ cao từ 100 -140m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10-20m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 15m.

b) Địa tầng:

Khu vực đất san lấp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá thuộc trầm tích của hệ tầng Phú Ngũ (Q-Spn₂) chiếm toàn bộ diện tích 13,61ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là cát kết, bột kết, phiến thạch anh màu xám vàng, nâu vàng, xám xanh. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, xám vàng, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, phiến thạch anh, chiều sâu phong hóa từ 10-20m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến thạch anh thuộc hệ tầng Phú Ngũ. Đất có màu xám vàng, nâu vàng, nâu đỏ, xám xanh.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá cát kết, bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5 m trung bình 1,0m Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu, nâu đỏ, nâu vàng, xám vàng; hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết, bột kết, phiến thạch anh chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-20m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất san lấp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu vàng, xám xanh. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy đất san lấp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 2.100.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 5.173.041.783 đồng

IV. Mô đất san lấp xã Phúc Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xã Phúc Chu, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 12,30ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xã Phúc Chu, huyện Định Hoá, có tọa độ các điểm khếp góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiếu 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2423970,35	405711,52	12,30
2	2423582,59	405977,95	
3	2423568,64	405869,67	
4	2423741,40	405492,00	
5	2423960,60	405480,13	
6	2424011,11	405533,05	
7	2424073,42	405605,49	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực đất san lấp xã Phúc Chu, huyện Định Hoá nằm về tây bắc thành phố Thái Nguyên là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 100-140m, hiện nay

nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp (keo, bạch đàn,...), hiện trạng là rừng sản xuất.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực đất san lấp xã Phúc Chu, huyện Định Hoá, huyện Định Hoá từ đường tròn thành phố Thái Nguyên đi theo quốc lộ 3 đến km 31 rẽ trái đi theo quốc lộ 3C khoảng 15 km sau đó đi theo đường vào xã Bảo Linh khoảng 6 km bên phải là khu vực mỏ (giáp với đường mòn Hồ Chí Minh).

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 20 -50m, mỏ giáp với đường mòn HCM thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực đất san lấp xã Phúc Chu, huyện Định Hoá là đồi thấp có độ cao từ 100 -140m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10-20m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 15m.

b) Địa tầng:

Khu vực đất san lấp xã Phúc Chu, huyện Định Hoá thuộc trầm tích của hệ tầng Phú Ngũ (Q-Spn₂) chiếm toàn bộ diện tích 12,30ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là cát kết, bột kết, phiến thạch anh màu xám vàng, nâu vàng, xám xanh. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, xám vàng, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, phiến thạch anh, chiều sâu phong hóa từ 10-20m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến thạch anh thuộc hệ tầng Phú Ngũ. Đất có màu xám vàng, nâu vàng, nâu đỏ, xám xanh.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá cát kết, bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5 m trung bình 1,0m Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu, nâu đỏ, nâu vàng, xám vàng; hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết, bột kết, phiến thạch anh chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-20m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất san lấp xã Phúc Chu, huyện Định Hoá đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu vàng, xám xanh. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy đất san lấp xã Phúc Chu, huyện Định Hoá có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 1.600.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 4.276.215.807 đồng

V. Mỏ đất san lấp xã Phú Tiến, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xã Phú Tiến, huyện Định Hoá, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 14,16ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xã Phú Tiến, huyện Định Hoá, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiếu 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2413149,98	414648,30	14,16
2	2413013,06	414840,04	
3	2412861,96	414741,63	
4	2412919,57	414579,03	
5	2412939,14	414417,96	
6	2412905,26	414301,69	
7	2413000,21	414207,98	
8	2413240,18	414322,95	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xã Phú Tiến, huyện Định Hoá nằm về tây bắc thành phố Thái Nguyên là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ

80-140m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp (keo, bạch đàn, cọ...), hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 17 và 22.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện t□ th□ a thu□ n v□ i ch□ s□ d□ ng □ t để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xã Phú Tiến, huyện Định Hóa từ đường tròn thành phố Thái Nguyên đi theo quốc 3 đến km 31 rẽ trái đi theo quốc lộ 3C khoảng 3 km bên trái là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 20 -50m, mỏ gần quốc lộ 3C thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xã Phú Tiến, huyện Định Hóa là đồi thấp có độ cao từ 80 -140m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10-20m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 15m.

b) Địa tầng:

Khu vực xã Phú Tiến, huyện Định Hóa thuộc trầm tích của hệ tầng Phú Ngũ (Q-Spn₅) chiếm toàn bộ diện tích 14,16ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là bột kết, phiến sét màu xám vàng, nâu vàng, nâu đỏ. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, lẫn các mảnh vụn đá bột kết, chiều sâu phong hóa từ 10-20 m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá phiến sét, bột kết thuộc hệ tầng Phú Ngũ. Đất có màu xám vàng, nâu vàng, nâu đỏ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá cát kết, bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5 m trung bình 1,0m Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu, nâu đỏ, nâu vàng; hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-20m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực xã Phú Tiến, huyện Định Hoá đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu vàng. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy đất làm vật liệu san lấp tại khu vực xã Phú Tiến, huyện Định Hoá có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 2.000.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 5.268.442.002 đồng

VI. Mỏ đất san lấp xã Phú Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xã Phú Lý, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 6,01ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xã Phú Lý, huyện Phú Lương, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2405805,16	415684,96	6,01
2	2405810,17	415787,05	
3	2405715,45	415857,25	
4	2405452,88	415906,43	
5	2405447,93	415901,18	
6	2405431,98	415895,62	
7	2405532,90	415701,53	
8	2405603,10	415682,80	
9	2405643,54	415639,18	
10	2405699,23	415673,93	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực đất san lấp xã Phú Lý, huyện Phú Lương nằm về tây bắc thành phố Thái Nguyên là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 80-160m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 41.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xã Phú Lý, huyện Phú Lương từ thành phố Thái Nguyên đi theo quốc lộ 3 đến huyện Phú Lương đi theo đường ĐT263 khoảng 2,5km bên trái là điểm mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cạnh khu vực mỏ có các hộ dân ở khoảng 70m đến 100, mỏ gần đường ĐT263 thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Phú Lý, huyện Phú Lương là đồi thấp có độ cao từ 80m -160m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10m đến 30m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 16m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Phú Lý, huyện Phú Lương thuộc trầm tích của hệ tầng Phú Ngũ (O-Sp_{n1}) chiếm toàn bộ diện tích 6,01ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá phiến thạch anh, phiến sét màu nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, xám vàng, lẫn các mảnh vụn đá phiến thạch anh, chiều sâu phong hóa từ 10m đến 30m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá phiến thạch anh, phiến sét thuộc hệ tầng Phú Ngũ, đất có màu nâu vàng.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá phiến thạch anh, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5 m trung bình 1,0m Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu, nâu đỏ, nâu vàng; hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá phiến thạch anh chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-30m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xã Phú Lý, huyện Phú Lương đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, xám xanh. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy đất làm vật liệu san lấp xã Phú Lý, huyện Phú Lương có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 1.000.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 2.381.664.211 đồng

VII. Mỏ đất san lấp xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 10,50 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiếu 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2403767,07	423149,28	10,50
2	2403716,21	423442,69	
3	2403624,99	423462,11	
4	2403576,98	423255,57	
5	2403385,52	423193,00	
6	2403385,44	423098,06	
7	2403692,86	423065,33	
8	2403783,30	422919,76	
9	2403889,08	422946,09	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 80-125m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 18.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương từ thành phố Thái Nguyên đi theo quốc lộ 3 mới (Thái Nguyên - Chợ Mới) đến ngã 3 xã Túc Tranh rẽ trái khoảng 1km là đến khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100m, mỏ gần đường quốc lộ 3 mới (Thái Nguyên - Chợ Mới) thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương là đồi thấp có độ cao từ 80m -125m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10m đến 30m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 15m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương thuộc trầm tích của hệ tầng Sông Cầu (D_{1sc1}) chiếm toàn bộ diện tích 10,50ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 10m đến 30m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Sông Cầu, đất có màu nâu vàng, nâu đỏ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá cát kết, bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,0 m trung bình 0,5m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết, bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-30m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, xám xanh. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Túc Tranh, huyện Phú Lương có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 1.500.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 3.830.076.908 đồng

VIII. Mỏ đất san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 10,07 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2397705,05	420452,67	10,07
2	2397805,29	420328,49	
3	2398058,21	420449,38	
4	2398067,61	420614,83	
5	2398155,60	420723,12	
6	2398061,51	420832,25	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương là đồi có độ cao trung bình có độ cao từ 60-100m, hiện nay nhân dân địa phương

đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 9, 10, 14, 15.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương từ thành phố Thái Nguyên đi theo quốc lộ 3 đến ngã 3 mỏ than Phấn Mễ rẽ trái khoảng 200m bên trái là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100m, mỏ gần đường quốc lộ 3 thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương là đồi thấp có độ cao từ 60m -100m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10m đến 30m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 15m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương thuộc trầm tích của hệ tầng Sông Cầu (D_{1sc3}) chiếm toàn bộ diện tích 10,07ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 10m đến 30m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Sông Cầu, đất có màu nâu vàng, nâu đỏ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá cát kết, bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,0 m trung bình 0,5m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết, bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-30m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu xám vàng, xám xanh. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 1.600.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 3.889.411.282 đồng

IX. Mỏ đất san lấp xóm Đồn Trình, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xóm Đồn Trình, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 30,02 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2384060,54	451205,79	30,02
2	2383738,74	451072,86	
3	2383751,57	450778,72	
4	2383956,94	450537,33	
5	2384280,13	450629,86	
6	- 2384282,46	450803,13	
7	2384324,76	450980,77	
8	2384405,65	450994,26	
9	2384337,37	451126,23	
10	2384226,49	451110,36	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực đất làm vật liệu san lấp xóm Đồn Trình, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ nằm về đông thành phố Thái Nguyên là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ

100-200m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp (keo, tre...), hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 7.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực đất làm vật liệu san lấp xóm Đồn Trinh, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ từ đường tròn thành phố Thái Nguyên theo hướng Chùa Hang sau đó đi theo đường quốc lộ 17 đến ngã 3 xã Hợp Tiến đi theo đường ĐT269B hướng Phú Bình khoảng 2 km sau đó rẽ trái đi khoảng 1km bên phải là diện tích khu mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100m đến 200m, mỏ gần đường ĐT269B thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực đất làm vật liệu san lấp xóm Đồn Trinh, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ là đồi thấp có độ cao từ 100m -200m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 20m đến 40m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 30m.

b) Địa tầng:

Khu vực đất làm vật liệu san lấp xóm Đồn Trinh, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ thuộc trầm tích của hệ tầng Mẫu Sơn (T_3cms_1) chiếm toàn bộ diện tích 30,02ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu xám vàng, nâu vàng, nâu đỏ. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 20m đến 40m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, phiến sét, bột kết thuộc hệ tầng Mẫu Sơn Đất có màu xám vàng, nâu vàng, nâu đỏ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá cát kết, bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-2,0 m trung bình 1,20m Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu, nâu đỏ, nâu vàng; hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 20-40m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực xóm Đồn Trình, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu vàng. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy đất làm vật liệu san lấp xóm Đồn Trình, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 10.000.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 18.599.117.408 đồng

X. Mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (Khu 1 + 2 + 3 + 4)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 22,06 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2385906,57	444492,18	7,14
2	2385874,08	444438,55	
3	2385975,33	444415,02	
4	2385963,73	444373,60	
5	2385712,53	444283,66	
6	2385696,37	444195,48	
7	2385763,67	444166,52	
8	2385888,09	444229,63	
9	2386143,46	444198,78	
10	2386164,14	444232,09	
11	2386026,93	444458,03	

Tên điểm	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2385735,68	444476,63	4,14
2	2385704,08	444537,54	
3	2385495,74	444567,14	
4	2385420,80	444455,19	
5	2385489,92	444341,03	
1	2385600,34	444092,03	4,69
2	2385520,00	444125,06	
3	2385394,90	444132,66	
4	2385287,69	444047,51	
5	2385256,72	443939,08	
6	2385325,05	443907,43	
7	2385417,55	443961,83	
8	2385606,96	444027,87	
1	2385093,11	444622,58	6,09
2	2385216,64	444570,76	
3	2385351,53	444689,99	
4	2385294,62	444782,36	
5	2385188,60	444782,24	
6	2384966,28	444808,51	
7	2384914,87	444746,50	
Tổng cộng			22,06

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 60-100m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây công nghiệp và cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 3 và tờ 18 xã Bàn Đạt; tờ bản đồ số 01 xã Tân Khánh. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản

và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường Cách mạng tháng 8 đến đường tròn Gang Thép đi theo quốc lộ 37 đến cầu mây đi theo hướng vào xã Tân Khánh đi theo ĐT 269C khoảng 5 km bên phải là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100m, mỏ gần đường ĐT269C thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình là đồi thấp có độ cao từ 60m - 110m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10m đến 30m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 16m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình thuộc trầm tích của hệ tầng Nà Khuất (T_{nk1}) chiếm toàn bộ diện tích 22,06ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 10m đến 30m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Nà Khuất, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,0 m trung bình 0,5m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-30m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, xám xanh. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đạt, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 3.700.000m³ đất làm vật liệu san

lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 8.781.456.056 đồng

XI. Mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (Khu 1)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.
2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.
4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 20,02 ha.
5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xã Tân Thành, huyện Phú Bình, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2378459,61	448871,83	20,02
2	2378621,83	448957,41	
3	2378450,10	449237,83	
4	2378533,52	449299,64	
5	2378488,38	449417,24	
6	2378257,80	449368,01	
7	2377906,01	449441,66	
8	2377906,21	449212,60	
9	2378223,99	449138,63	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 1) là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 80-140m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 1), từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường CM tháng 8 đến đường tròn Gang Thép đi theo quốc lộ 37 đến ngã tư thị trấn Hương Sơn đi theo ĐT269B khoảng 5 km là đến khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100-200m, mỏ gần đường ĐT269B thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 1) là đồi thấp có độ cao từ 80m -140m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10m đến 30m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 15m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 1) thuộc trầm tích của hệ tầng Nà Khuất (T_{2nk_2}) chiếm toàn bộ diện tích 20,02ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 10m đến 30m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Nà Khuất, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,0 m trung bình 0,75m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

- + Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-30m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 1) đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

- + Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 1) có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

- d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 3.300.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 7.891.927.971 đồng

XII. Mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên (Khu 2)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.
2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.
3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.
4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 20,01 ha.
5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xã Tân Thành, huyện Phú Bình, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2377307,30	450022,05	20,01
2	2377639,27	449512,12	
3	2378037,30	449726,99	
4	2378036,91	449872,02	
5	2377898,10	449953,70	
6	2377564,54	449899,49	
7	2377430,54	450104,26	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 2) là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 60-100m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 2), từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường CM tháng 8 đến đường tròn Gang Thép đi theo quốc lộ 37 đến ngã tư thị trấn Hương Sơn đi theo ĐT269B khoảng 5 km là đến khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100-200m, mỏ gần đường ĐT269B thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 2) là đồi thấp có độ cao từ 80m -100m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10m đến 35m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 18m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 2) thuộc trầm tích của hệ tầng Nà Khuất (T_{2nk_2}) chiếm toàn bộ diện tích 20,01ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 10m đến 30m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Nà Khuất, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,0 m trung bình 0,75m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

- + Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-35m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 2) đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

- + Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 2) có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

- d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 3.600.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 8.291.953.422 đồng

XIII. Mỏ đất san lấp xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 14,03 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2383996,85	448330,48	14,03
2	2383667,27	448723,29	
3	2383625,55	448704,47	
4	2383668,49	448401,69	
5	2383611,98	448329,29	
6	2383588,18	448109,51	
7	2383894,61	448154,24	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 60-100m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 5 xã Tân Kim.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình, từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường CM tháng 8 đến đường 69tròn Gang Thép đi theo quốc lộ 37 đến ngã tư thị trấn Hương Sơn đi theo ĐT269B khoảng 12 km là đến khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100-200m, mỏ gần đường ĐT269B thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình là đồi thấp có độ cao từ 60m -120m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 15m đến 25m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 20m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình thuộc trầm tích của hệ tầng Nà Khuất (T_{nk_1}) chiếm toàn bộ diện tích 14,03ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 15m đến 25m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Nà Khuất, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5 m trung bình 1,0m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 15-25m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 2.800.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 6.183.332.859 đồng

XIV. Mỏ đất san lấp xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 16,79 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2383866,20	450236,82	16,79
2	2383850,35	450161,97	
3	2383792,13	450159,16	
4	2383770,57	450146,96	
5	2383757,27	450125,53	
6	2383642,21	450068,55	
7	2383599,28	450055,93	
8	2383547,88	449993,55	
9	2383424,20	449908,80	
10	2383396,41	449958,57	
11	2383254,89	449919,64	
12	2383205,50	450225,22	
13	2383468,11	450217,16	
14	2383437,76	450343,24	
15	2383507,85	450331,47	
16	2383617,22	450283,43	
17	2383792,50	450380,12	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình là đồi thấp đến trung bình có độ cao từ 60-140m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình, từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường CM tháng 8 đến đường tròn Gang Thép đi theo quốc lộ 37 đến ngã tư thị trấn Hương Sơn đi theo ĐT269B khoảng 8 km là đến khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, cách khu vực có các hộ dân ở khoảng 100-200m, mỏ gần đường ĐT269B thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình là đồi thấp có độ cao từ 60m -140m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 20m đến 30m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 26m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình thuộc trầm tích của hệ tầng Nà Khuất (T_{2nk1}) chiếm toàn bộ diện tích 16,79ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá bột kết, chiều sâu phong hóa từ 20m đến 30m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Nà Khuất, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,0 m trung bình 0,75m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

- + Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 20-30m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ đất san lấp xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

- + Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

- d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 4.400.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 8.804.788.503 đồng

**XV. Mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên
(Khu 1 + 2)**

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.
2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.
3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.
4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 22,84 ha.
5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2397755,61	398051,06	12,66
2	2397736,01	397801,46	
3	2397891,06	397700,22	
4	2398054,49	397765,93	
5	2398144,53	397765,90	
6	2398199,59	397970,02	
7	2398113,49	398079,83	
8	2398021,59	398064,64	
9	2397974,22	397997,25	
10	2397878,02	398013,73	
11	2397827,41	398074,37	
1	2398014,94	398132,10	10,18
2	2398018,43	398288,61	
3	2397903,63	398365,23	
4	2397849,30	398501,17	
5	2397630,93	398425,52	
6	2397683,34	398178,42	
7	2397798,62	398155,02	
8	2397912,37	398083,09	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ là đồi thấp có độ cao từ 100-180m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 77 và 86.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, từ thành phố Thái Nguyên đi quốc lộ 3 đến ngã ba bờ đậu đi theo quốc lộ 37 khoảng 35 km bên trái là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, giáp với các hộ dân đang sinh sống, mỏ gần quốc lộ 37 thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ là đồi thấp có độ cao từ 100m -180m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 5m đến 25m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 10m (Khu 2), 20m (Khu 1).

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ thuộc trầm tích của hệ tầng Sông Cầu (D_{1sc1} và D_{1sc2}) chiếm toàn bộ diện tích 22,84ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 5m đến 25m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Sông Cầu, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,1-2,0m trung bình 1,5m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

- + Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 5-25m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

- + Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 4.100.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 9.452.430.912 đồng

XVI. Mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (Khu 1 + 2)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xã Cù Vân, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 6,24 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xã Cù Vân, huyện Đại Từ, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2393851,88	421261,84	2,26
2	2393885,22	421227,95	
3	2393937,11	421240,55	
4	2393990,15	421342,20	
5	2393984,73	421385,86	
6	2393950,38	421420,24	
7	2393925,23	421434,91	
8	2393840,20	421435,08	
9	2393859,08	421345,34	
1	2393818,08	421446,98	3,98
2	2393798,10	421444,18	
3	2393801,44	421408,90	
4	2393764,45	421407,04	
5	2393677,79	421368,09	
6	2393643,69	421377,67	
7	2393559,92	421350,65	
8	2393556,49	421291,50	
9	2393571,88	421252,03	
10	2393591,99	421240,82	
11	2393592,75	421265,84	
12	2393669,81	421262,58	

Tên điểm	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
13	2393716,17	421226,41	
14	2393748,15	421229,52	
15	2393807,28	421219,19	
16	2393839,82	421268,02	
17	2393848,50	421300,82	
Tổng cộng			6,24

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ là đồi thấp có độ cao từ 60-80m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 37.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ, từ thành phố Thái Nguyên đi quốc lộ 3 đến ngã ba bờ đậu đi theo quốc lộ 37 khoảng 3 km bên phải là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, giáp với các hộ dân đang sinh sống, mỏ gần quốc lộ 37 thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ là đồi thấp có độ cao từ 60m -80m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 5m đến 15m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 8m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ thuộc trầm tích của hệ tầng Văn Lăng (T_{3n-rvl3}) chiếm toàn bộ diện tích 6,24ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu

phong hóa từ 5m đến 15m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Văn Lãng, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5m trung bình 1,0m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 5-15m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 510.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 1.765.350.848 đồng

XVII. Mỏ đất san lấp thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên (Khu 2)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 20,96 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2378786,15	419223,54	20,96
2	2379584,46	418075,39	
3	2379703,54	418175,87	
4	2379138,49	418993,64	

Tên điểm	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
5	2378873,53	419291,70	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ (Khu 2) là đồi thấp có độ cao từ 80-120m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là đất rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 70 và 74.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ (Khu 2), từ thành phố Thái Nguyên đi theo quốc lộ 3 đến ngã 3 Bờ Đậu đi theo quốc lộ 37 đến thị trấn Đại Từ đi theo đường ĐT261 khoảng 28km bên trái là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, giáp với các hộ dân đang sinh sống, mỏ gần đường ĐT 261 và sát với đường liên kết vùng thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ (Khu 2) là đồi thấp có độ cao từ 80m -120m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10m đến 20m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 10m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ (Khu 2) thuộc trầm tích của hệ tầng Mẫu Sơn (T_3cms_3) chiếm toàn bộ diện tích 20,96ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 10m đến 20m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết thuộc hệ tầng Mẫu Sơn, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trông trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5m trung bình 1,0m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá cát kết, bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-20m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ (Khu 2) đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám xanh. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ (Khu 2) có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 2.000.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 6.314.015.618 đồng

XVIII. Mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Khu 2)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 3,58 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2376015,27	428290,36	3,58
2	2376068,56	428366,49	
3	2376055,05	428419,58	
4	2375934,73	428552,67	
5	2375835,03	428413,67	
6	2375952,35	428280,05	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 2) là đồi thấp có độ cao từ 20-80m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là đất rừng sản xuất và đất cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ địa chính số 33-3.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 2), từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường cao tốc Thái Nguyên - Hà Nội đến Ngã tư Sông Công đi theo đường CM tháng 10 hướng về phường Châu Sơn, mỏ sát với UBND phường Châu Sơn.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, giáp với các hộ dân đang sinh sống, mỏ gần đường nhựa thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 2) là đồi thấp có độ cao từ 20m -80m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 5m đến 25m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 13m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 2) thuộc trầm tích của hệ tầng Mẫu Sơn (T_3cms_2) chiếm toàn bộ diện tích 3,58ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 5m đến 25m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Mẫu Sơn, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5m trung bình 1,0m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 5-25m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 2) đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 2) có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 470.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 1.250.392.698 đồng

XIX. Mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên (Khu 1)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 7,63 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2375774,82	428538,13	7,63
2	2375693,82	428431,12	
3	2375788,64	428348,50	
4	2375934,73	428552,67	
5	2375501,03	428924,63	
6	2375442,60	428862,65	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 1) là đồi thấp có độ cao từ 20-80m, hiện nay nhân dân địa

phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là đất rừng sản xuất và đất cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ địa chính số 33-3 và 46-1.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 1), từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường cao tốc Thái Nguyên - Hà Nội đến Ngã tư Sông Công đi theo đường CM tháng 10 hướng về phường Châu Sơn, mỏ sát với UBND phường Châu Sơn.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, giáp với các hộ dân đang sinh sống, mỏ gần đường nhựa thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 1) là đồi thấp có độ cao từ 20m -80m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 7m đến 25m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 15m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 1) thuộc trầm tích của hệ tầng Mẫu Sơn (T_{3cms_2}) chiếm toàn bộ diện tích 7,63ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 7m đến 25m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Mẫu Sơn, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5m trung bình 1,0m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 7-25m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 1) đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 1) có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 1.100.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 2.796.581.220 đồng

XX. Mỏ đất san lấp Núi Măn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: Núi Măn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 5,08 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc Núi Măn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2375820,33	429112,95	5,08
2	2375787,01	429145,04	
3	2375769,18	429126,07	
4	2375544,59	429285,07	
5	2375471,51	429290,97	
6	2375451,88	429251,77	
7	2375451,40	429196,95	
8	2375509,00	429136,78	
9	2375562,39	429097,88	

Tên điểm	Hệ toạ độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
10	2375634,49	429089,47	
11	2375710,85	429054,59	
12	2375698,03	429035,76	
13	2375758,41	428998,12	
14	2375775,41	428997,89	
15	2375823,13	429029,05	
16	2375833,85	429059,27	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp Núi Mãn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Sông Công là đồi thấp có độ cao từ 20-80m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là đất rừng sản xuất và đất cây lâu năm, thuộc tờ bản đồ địa chính số 33-4 và 46-2.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp Núi Mãn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Sông Công, từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường cao tốc Thái Nguyên - Hà Nội đến Ngã tư Sông Công đi theo đường CM tháng 10 hướng về phường Châu Sơn, mỏ sát với UBND phường Châu Sơn.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, giáp với các hộ dân đang sinh sống, mỏ gần đường nhựa thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp Núi Mãn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Sông Công là đồi thấp có độ cao từ 20m -100m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 10m đến 25m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 20m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp Núi Măn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Sông Công thuộc trầm tích của hệ tầng Mẫu Sơn (T_3cms_2) chiếm toàn bộ diện tích 5,08ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 5m đến 25m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Mẫu Sơn, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

- + Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5m trung bình 1,0m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

- + Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 10-25m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp Núi Măn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Sông Công đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

- + Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp Núi Măn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Sông Công có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 1.100.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 2.354.271.114 đồng

XXI. Mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên (Khu 1 + 2)

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 23,15 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2370275,75	423862,75	18,57
2	2370601,64	423467,83	
2a	2374878,82	421286,77	
4b	2374315,40	421459,04	
5	2370417,22	424133,09	
2b	2374870,96	421372,81	4,58
3	2370904,34	423823,65	
4	2370510,24	424238,32	
4a	2.374328,23	421538,75	
Tổng cộng			23,15

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên là đồi thấp có độ cao từ 80-120m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là đất rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 19, 20, 28 và 29.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường cao tốc Thái Nguyên - Hà Nội đến Ngã tư Phổ Yên đi theo đường ĐT261 khoảng 15 km bên trái là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, giáp với các hộ dân đang sinh sống, mỏ gần đường ĐT 261 và sát với đường liên kết vùng thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên là đồi thấp có độ cao từ 80m -120m, chiều dài tầng phong hóa

có thể khai thác được khoảng từ 15m đến 20m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 13m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên thuộc trầm tích của hệ tầng Khuôn Làng (T_2kl_1) chiếm toàn bộ diện tích 23,15ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá cát kết, bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá cát kết, bột kết, chiều sâu phong hóa từ 15m đến 20m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá cát kết, bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Khuôn Làng, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5m trung bình 1,0m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 15-20m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 3.000.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 8.033.081.945 đồng

XXII. Mỏ đất san lấp xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

1. Loại khoáng sản: đất làm vật liệu san lấp.

2. Địa điểm khu vực khoáng sản đưa ra đấu giá: xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Mức độ nghiên cứu địa chất: đã khảo sát, điều tra cơ bản; chưa thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản.

4. Tổng diện tích khu vực đưa ra đấu giá: 24,55 ha.

5. Vị trí, ranh giới

Khu vực mỏ đất san lấp thuộc xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, có tọa độ các điểm khép góc như sau:

Tên điểm	Hệ tọa độ VN-2000 KTT 106°30' múi chiều 3°		Diện tích (ha)
	X (m)	Y (m)	
1	2370275,75	423862,75	24,55
2	2370601,64	423467,83	
3	2370904,34	423823,65	
4	2370510,24	424238,32	
5	2370417,22	424133,09	

6. Hiện trạng khu vực mỏ

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên là đồi thấp có độ cao từ 40-140m, hiện nay nhân dân địa phương đang trồng cây lâm nghiệp, hiện trạng là đất rừng sản xuất, thuộc tờ bản đồ địa chính số 53, 56.

Diện tích khu vực không sử dụng đất trồng lúa, không sử dụng vào đất ở dân cư, không sử dụng đất rừng phòng hộ, không có đất di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng, đường điện, hệ thống thủy lợi, mà chủ yếu là đất do nhân dân quản lý và đất lâm trường trả ra.

Nằm trong quy hoạch tỉnh Thái Nguyên được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tại Quyết định số 222/QĐ-TTg ngày 14/3/2023. Được quy hoạch là đất khai thác khoáng sản (SKX) và nằm trong kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025).

Sau khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản doanh nghiệp phải lập hồ sơ thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định của pháp luật về Khoáng sản và thực hiện giải phóng mặt bằng để hoàn thiện hồ sơ thuê đất theo quy định của pháp luật về Đất đai hiện hành.

7. Cơ sở hạ tầng, giao thông

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, từ thành phố Thái Nguyên đi theo đường cao tốc Thái Nguyên - Hà Nội đến Ngã tư Phổ Yên đi theo đường ĐT261 khoảng 20 km bên trái là khu vực mỏ.

Trong diện tích khu vực mỏ không có hộ dân nào sinh sống, giáp với các hộ dân đang sinh sống, mỏ gần đường ĐT 261 và sát với đường liên kết vùng thuận tiện cho việc khai thác, vận chuyển sau này.

8. Thông tin về địa chất, khoáng sản

a) Địa mạo:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên là đồi thấp có độ cao từ 40m -140m, chiều dày tầng phong hóa có thể khai thác được khoảng từ 20m đến 40m. Chiều cao trung bình khai thác khoảng 30m.

b) Địa tầng:

Khu vực mỏ đất san lấp xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên thuộc trầm tích của hệ tầng Khuôn Làng (T_2kl_1) chiếm toàn bộ diện tích 24,55ha. Thành phần trầm tích chủ yếu là đá bột kết, phiến sét màu nâu đỏ, nâu vàng. Đá

bị phong hóa triệt để có màu nâu vàng, nâu đỏ, lẫn các mảnh vụn đá bột kết, chiều sâu phong hóa từ 20m đến 40m. Phần dưới của lớp phong hóa là đá cứng chắc không thể khai thác làm vật liệu san lấp được.

c) Đặc điểm thân khoáng đất san lấp:

- Thân khoáng là đất làm vật liệu san lấp có nguồn gốc phong hoá từ đá bột kết, phiến sét thuộc hệ tầng Khuôn Làng, đất có màu nâu vàng, đỏ gụ.

- Đặc điểm địa tầng thân khoáng: Theo mức độ phong hoá, mặt cắt từ trên xuống dưới như sau:

+ Lớp đất trồng trọt gồm: Cát, sét, sạn, mảnh vụn đá bột kết, lẫn rễ cây và mùn thực vật, màu nâu xám, nâu vàng. Chiều dày từ 0,5-1,5m trung bình 1,0m. Lớp này do lẫn nhiều rễ cây và mùn thực vật.

+ Lớp đất phong hoá mạnh, bờ rời, màu nâu đỏ, nâu vàng, hầu như không còn kiến trúc ban đầu. Tuy nhiên đôi chỗ còn giữ lại cấu tạo phân lớp của đá gốc và các thấu kính đá bột kết chưa phong hóa triệt để vẫn còn cứng chắc. Chiều dày của lớp thay đổi 20-40m. Theo kết quả khảo sát sơ bộ, đất tại khu vực mỏ đất san lấp xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên đạt tiêu chuẩn làm vật liệu san lấp.

+ Lớp đất phong hoá vừa, còn giữ lại cấu trúc ban đầu của đá gốc, màu nâu xám vàng, nâu đỏ. Thành phần hóa học tương đương như lớp trên.

Theo kết quả khảo sát sơ bộ và tổng hợp tài liệu hiện có cho thấy mỏ đất san lấp xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên có quy mô và chất lượng đáp ứng được yêu cầu làm vật liệu san lấp cho các công trình.

d) Trữ lượng, chất lượng dự kiến: khoảng 8.000.000m³ đất làm vật liệu san lấp.

9. Vốn chủ sở hữu dự kiến cần cho dự án: 14.971.918.866 đồng

PHỤ LỤC

Giá khởi điểm, bước giá, tiền đặt trước của 22 mỏ đất làm vật liệu san lấp trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Kèm theo Thông báo đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Trung tâm Dịch vụ đấu giá tài sản tỉnh Thái Nguyên ngày 17/11/2023)

Số TT	Vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến (Q) (m ³)	Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G) (đồng)	Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác (K)	Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) (%)	Tiền đặt trước (TĐT) (đồng)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8=4x5x6x7x15%	9
1	Mỏ đất san lấp tổ dân phố Cổ Rồng, thị trấn Đình Cả, huyện Võ Nhai	5,03	1.000.000	49.600	0,9	3%	200.880.000	
2	Mỏ đất san lấp xóm Khuôn Vạc, xã La Hiên, huyện Võ Nhai	15,02	3.000.000	49.600	0,9	3%	602.640.000	
3	Mỏ đất san lấp xã Phúc Chu và thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá (Khu 1)	9,13	1.500.000	49.600	0,9	3%	301.320.000	Qua khảo sát có một phần diện tích thuộc địa bàn xã Phúc Cầu
	Mỏ đất san lấp thị trấn Chợ Chu, huyện Định Hoá (Khu 2)	4,48	600.000	49.600	0,9	3%	120.528.000	
4	Mỏ đất san lấp xã Phúc Chu, huyện Định Hoá	12,30	1.600.000	49.600	0,9	3%	321.408.000	
5	Mỏ đất san lấp xã Phú Tiên, huyện Định Hoá	14,16	2.100.000	49.600	0,9	3%	421.848.000	

Số TT	Vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến (Q) (m ³)	Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G) (đồng)	Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác (K)	Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) (%)	Tiền đặt trước (TĐT) (đồng)	Ghi chú
6	Mỏ đất san lấp xã Phú Lý, huyện Phú Lương	6,01	1.000.000	49.600	0,9	3%	200.880.000	
7	Mỏ đất san lấp xóm Quyết Tiến, Quyết Thắng, xã Tức Tranh, huyện Phú Lương	10,50	1.500.000	49.600	0,9	3%	301.320.000	
8	Mỏ đất san lấp Đồi Đá Xô, thị trấn Giang Tiên, huyện Phú Lương	10,07	1.600.000	49.600	0,9	3%	321.408.000	
9	Mỏ đất san lấp xóm Đồn Trinh, xã Hợp Tiến, huyện Đồng Hỷ	30,02	10.000.000	49.600	0,9	3%	2.008.800.000	
10	Mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đát, xã Tân Khánh, huyện Phú Bình (Khu 1)	7,14	1.200.000	49.600	0,9	3%	241.056.000	
	Mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đát, huyện Phú Bình (Khu 2)	4,14	700.000	49.600	0,9	3%	140.616.000	Qua khảo sát không có diện tích thuộc địa bàn xã Tân Khánh
	Mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đát, huyện Phú Bình (Khu 3)	4,69	800.000	49.600	0,9	3%	160.704.000	Qua khảo sát không có diện tích thuộc địa bàn xã Tân Khánh
	Mỏ đất san lấp tại xã Bàn Đát, huyện Phú Bình (Khu 4)	6,09	1.000.000	49.600	0,9	3%	200.880.000	Qua khảo sát không có diện tích thuộc địa bàn xã Tân Khánh
11	Mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 1)	20,02	3.300.000	49.600	0,9	3%	662.904.000	

Số TT	Vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến (Q) (m ³)	Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G) (đồng)	Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác (K)	Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) (%)	Tiền đặt trước (TĐT) (đồng)	Ghi chú
12	Mỏ đất san lấp xã Tân Thành, huyện Phú Bình (Khu 2)	20,01	3.600.000	49.600	0,9	3%	723.168.000	
13	Mỏ đất san lấp xóm Tân Yên, xã Tân Thành và xóm Đèo Khê, xã Tân Kim, huyện Phú Bình	14,03	2.800.000	49.600	0,9	3%	562.464.000	
14	Mỏ đất san lấp xóm Cầu Muối, xã Tân Thành, huyện Phú Bình	16,79	4.400.000	49.600	0,9	3%	883.872.000	
15	Mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ (Khu 1)	12,66	2.900.000	49.600	0,9	3%	582.552.000	
	Mỏ đất san lấp xã Yên Lãng, huyện Đại Từ (Khu 2)	10,18	1.200.000	49.600	0,9	3%	241.056.000	
16	Mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ (Khu 1)	2,26	180.000	49.600	0,9	3%	36.158.400	
	Mỏ đất san lấp xã Cù Vân, huyện Đại Từ (Khu 2)	3,98	330.000	49.600	0,9	3%	66.290.400	
17	Mỏ đất san lấp thị trấn Quân Chu, huyện Đại Từ (Khu 2)	20,96	2.000.000	49.600	0,9	3%	401.760.000	
18	Mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu	3,58	470.000	49.600	0,9	3%	94.413.600	

Số TT	Vị trí mỏ	Diện tích (ha)	Trữ lượng dự kiến (Q) (m ³)	Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (G) (đồng)	Hệ số thu hồi khoáng sản liên quan đến phương pháp khai thác (K)	Mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (R) (%)	Tiền đặt trước (TĐT) (đồng)	Ghi chú
	Sơn, thành phố Sông Công (Khu 2)							
19	Mỏ đất san lấp tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Sông Công (Khu 1)	7,63	1.100.000	49.600	0,9	3%	220.968.000	
20	Mỏ đất san lấp Núi Mãn, tổ dân phố Hương Sơn, phường Châu Sơn, Thành phố Sông Công	5,08	1.100.000	49.600	0,9	3%	220.968.000	
21	Mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phố Yên (Khu 1)	18,57	2.800.000	49.600	0,9	3%	3.749.760.000	- Cắt bỏ diện tích Đường liên kết vùng cắt qua khu mỏ và diện tích còn lại 23,15ha (gồm: Khu 1 là 18,57ha và khu 2 là 4,58 ha). - Qua khảo sát có một phần diện tích thuộc địa bàn xóm Hang Dơi
	Mỏ đất san lấp xóm Phúc Tài và xóm Hang Dơi, xã Phúc Thuận, thành phố Phố Yên (Khu 2)	4,58	200.000	49.600	0,9	3%	267.840.000	
22	Mỏ đất san lấp xóm Đèo Nứa, xã Phúc Thuận, thành phố Phố Yên	24,55	8.000.000	49.600	0,9	3%	1.607.040.000	